TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4511/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2023.
Vv Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Cửu Long

2/ Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2988/2022/HNST ngày 28 tháng 11 năm 2022 về **"**Ly hôn**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6682/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6980/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2023 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 171 đường T, khu phố 2, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng Dũng - Luật sư Công ty luật TNHH Sài Gòn 48 sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 171 đường T, khu phố 2, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần P tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 25HT ngày 07/3/2008). Quá trình chung sống đến cuối năm 2017 cuộc sống chung giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, không cùng quan điểm trong cách nuôi dạy con, vợ chồng không có sự tin tưởng, thông cảm, chia sẻ, quan tâm, dần dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, mỗi lần nói chuyện là gây gỗ, cho đến đầu năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, cuộc sống gia đình nặng nề, không hạnh phúc. Tháng 3/2021 vợ chồng

ly thân, ông Phi đi làm xa một tuần về một lần để thăm con, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian này bà Minh và ông Phi không hàn gắn được tình cảm. Bà Minh xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục cuộc sống chung và yêu cầu được ly hôn với ông Trần Bá Quốc Phi.

Về con chung: bà M khai, bà và ông Trần P có 03 người con chung tên Trần Anh N, sinh ngày 12/01/2009, Trần T, sinh ngày 01/10/2015 và Trần Ph, sinh ngày 23/5/2018. Ly hôn M yêu cầu nuôi 03con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho 03 con.

Về tài sản chung: bà M xác định không có.

Về nợ chung: bà M khai không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng D trình bày: Bà M xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P, giữa bà M và ông P có mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau. Thấy rằng tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng yêu thương, quý trọng và cùng có trách nhiệm với nhau nhưng bà Minh và ông Phi đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai nên mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 người con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng vì theo lời trình bày của trẻ Trần N và trẻ Trần T có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đối với trẻ Trần Ph, sinh ngày 23/5/2018 hiện chưa đủ 07 tuổi nhưng hiện nay 03 trẻ đang sống cùng nhau và do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M có thu nhập từ công việc buôn bán hàng ăn và làm thêm, đảm bảo thời gian và điều kiện tài chính để lo cho con và để trẻ ổn định cuộc sống nên tiếp tục giao 03 trẻ cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Bị đơn ông Trần P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: giao 03 người con chung Trần N, sinh ngày 12/01/2009, Trần T, sinh ngày 01/10/2015 và Trần Ph, sinh ngày 23/5/2018 cho bà M nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có và nợ chung: không có. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị M có yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Trần P. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức bị đơn ông Trần P thực tế đang cư trú tại địa chỉ số 171 đường T, khu phố 2, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần P.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần P tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 25HT ngày 07/3/2008). Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Về yêu cầu xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Trần P, Hội đồng xét xử nhận thấy: nguyên nhân bà M yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cách cư xử, bất đồng trong cách giáo dục con cái, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, sẻ chia và quan tâm yêu thương. Từ tháng 3/2021 cho đến nay mặc dù sống chung trong nhà nhưng mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương lẫn nhau. Bà Nguyễn Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung và yêu cầu được ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng yêu thương, quý trọng và cùng có trách nhiệm với nhau.

Về phía ông Trần P từ khi bà Nguyễn Thị M nộp đơn ly hôn. Tòa án đã nhiều lần thông báo ông Trần P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Trần P vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy ông Trần P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ mà vẫn bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: bà M và ông P có 03 người con chung tên Trần Anh N, sinh ngày 12/01/2009, Trần T, sinh ngày 01/10/2015 và Trần Ph, sinh ngày 23/5/2018. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị M yêu cầu được nuôi 03 người con chung là phù hợp nguyện vọng của người con Trần N và Trần T muốn được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Xét, tại thời điểm Tòa án xét xử trẻ Trần Ph chưa đủ tròn 07 tuổi, nhưng hiện nay bà Nguyễn Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Phước Long A, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay 03 người con đang được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện và đảm bảo cho người con sống ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 03 người con chung cho bà Nguyễn Thị M nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị M tự nguyện không yêu cầu ông Trần P cấp dưỡng nuôi 03 người con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3]. Về tài sản chung: bà M xác định không có.

Về nợ chung: bà Minh xác định không có.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần P.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 25HT ngày 07/3/2008 do Ủy ban nhân dân dân xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Nguyễn Thị M và ông Trần P không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Về nuôi con chung: giao 03 người con chung Trần Anh N, sinh ngày 12/01/2009, Trần T, sinh ngày 01/10/2015 và Trần Ph, sinh ngày 23/5/2018 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Trần P cấp dưỡng nuôi 03 người con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản: Về tài sản chung: đương sự xác định không có.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng, được cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị M đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0007008 ngày 23/11/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Nhung